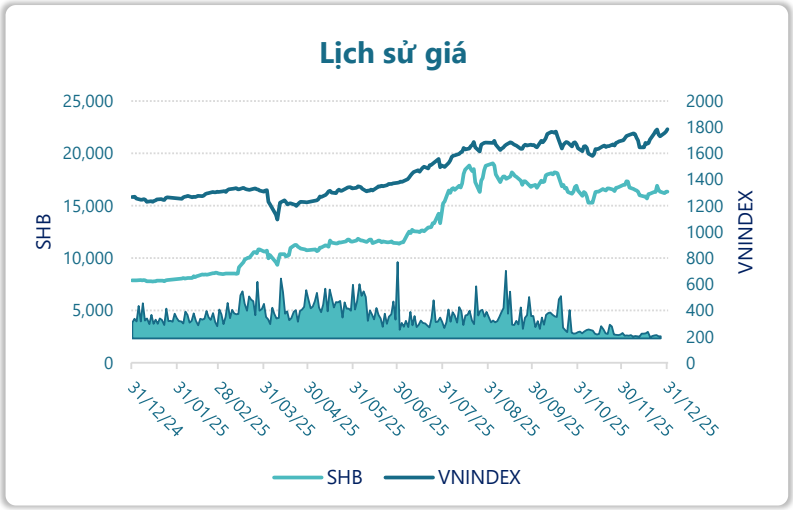
FireAnt

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (HSX: SHB)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,350**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,758
SL cổ phiếu LH	4,593,703,838
KLGD BQ 20 phiên (CP)	65,951,399
% sở hữu nước ngoài	3.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	75,107
P/E	6.3
EPS	2,614

DT thuần

Q4/25

-10,371

tỷ VNĐ

QoQ: ▼786| -8.2%

YoY: ▼2,761| -36.3%

LN sau thuế

Q4/25

0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.92| -100%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

19.1%

+/- YoY: ▼ 2.2%

DT thuần

2025

-37,138

tỷ VNĐ

YoY: ▼7,883| -26.9%

LN sau thuế

2025

0

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.0| -100%

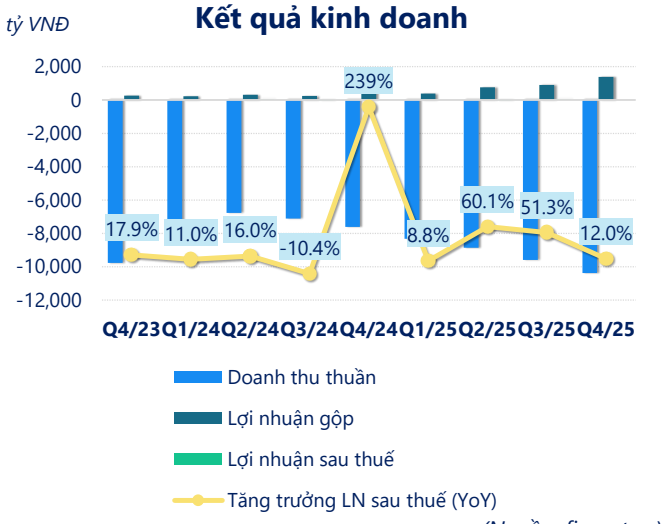
ROE

2025

#VALUE!

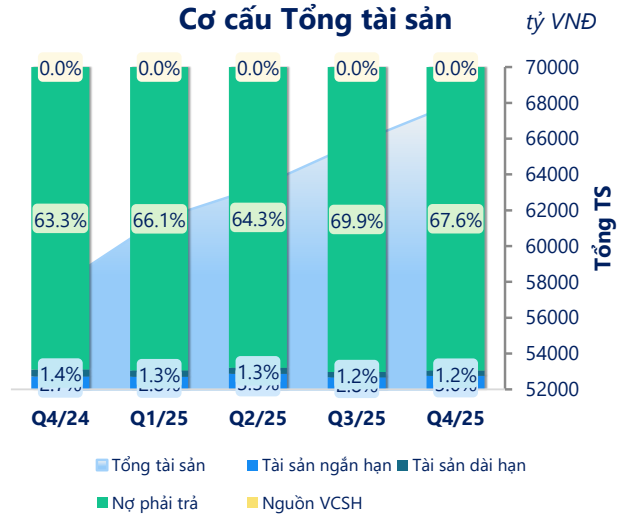
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



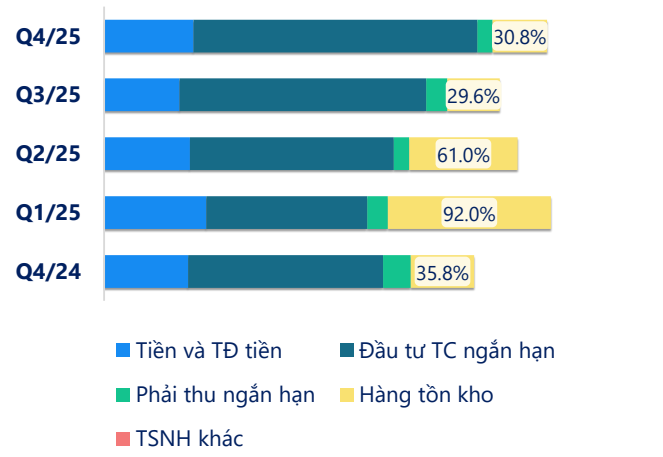
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



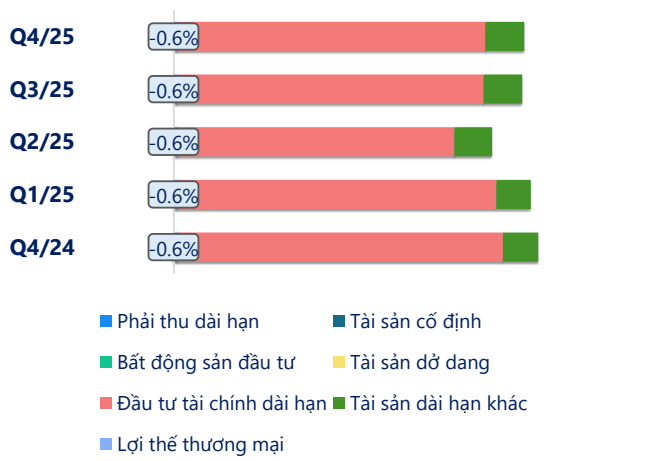
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



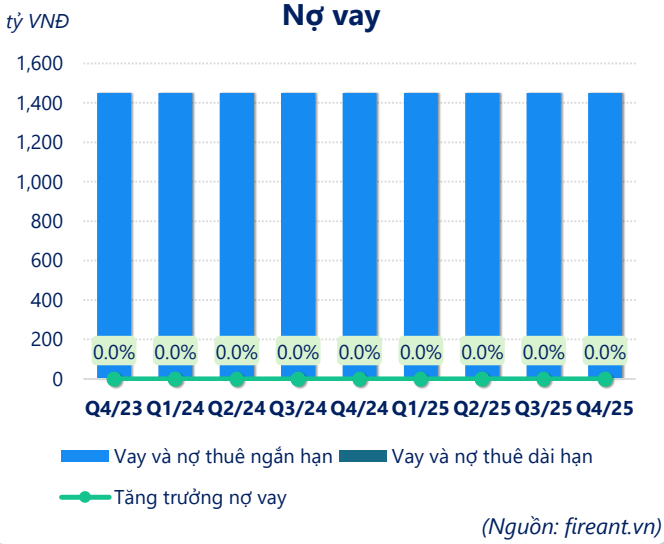
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



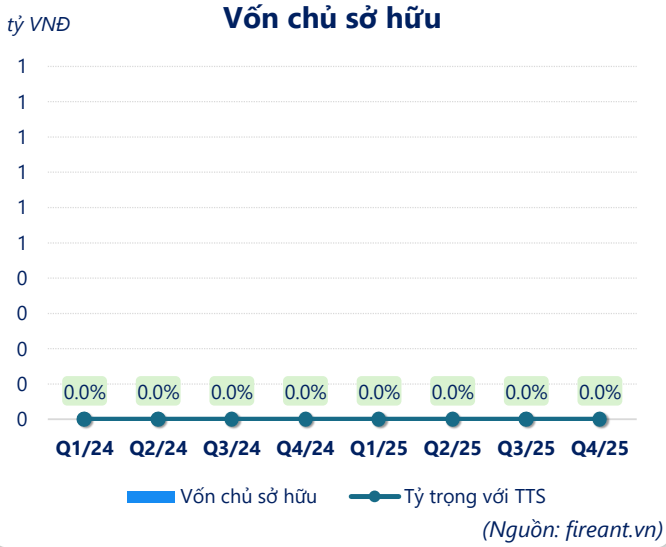
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



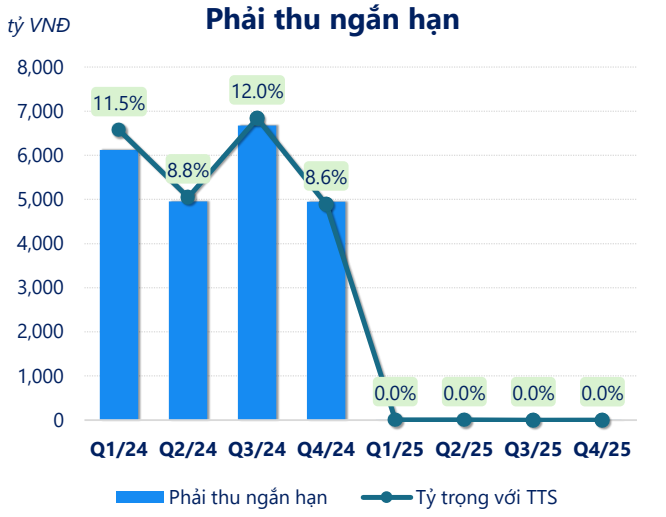
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



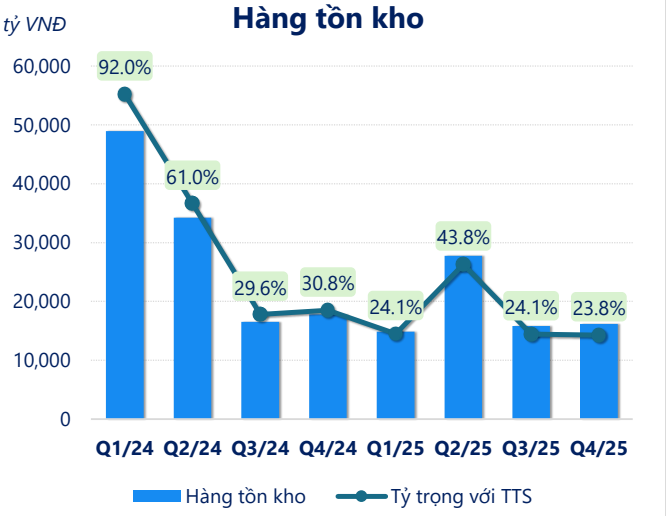
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



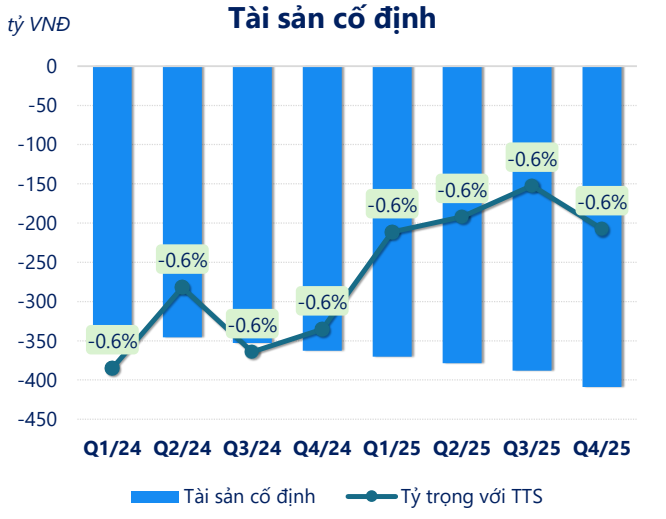
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



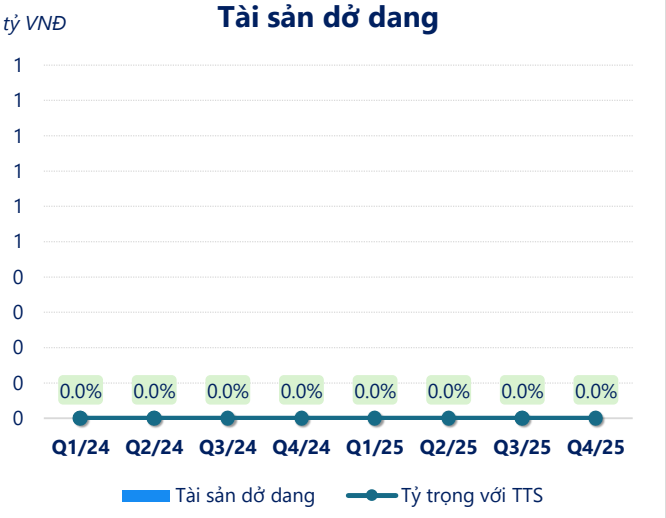
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



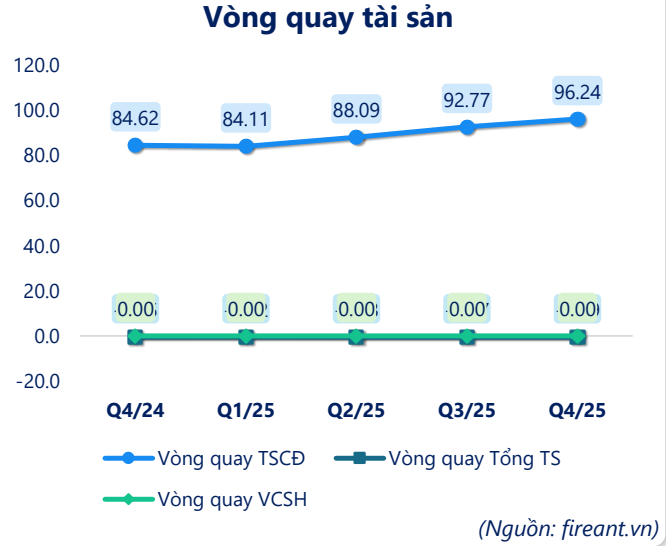
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**57,850**	**61,473**	**63,268**	**65,761**	**67,996**
Tài sản ngắn hạn	**1,564**	**1,691**	**2,097**	**1,826**	**2,038**
Tiền và tương đương tiền	27,441	35,473	30,627	27,985	34,355
Đầu tư tài chính ngắn hạn	92,636	99,380	91,239	105,331	126,825
Phải thu ngắn hạn	4,950	3.88	3.33	0.46	0.46
Hàng tồn kho	17,813	14,838	27,735	15,828	16,173
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**827**	**825**	**830**	**818**	**829**
Phải thu dài hạn	1,581	1,598	1,593	1,600	1,619
Tài sản cố định	-363	-370	-379	-388	-409
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	123,726	128,848	115,227	132,397	137,703
Tài sản dài hạn khác	13,424	13,975	15,714	16,737	17,550
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**36,629**	**40,657**	**40,657**	**45,942**	**45,942**
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,450	1,450	1,450	1,450	1,450
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)